

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN QUẢNG TRẠCH
TỈNH QUẢNG BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2018/DS - ST

Ngày: 14 - 5 - 2018

“V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUẢNG TRẠCH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Hữu Tình

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Đình Huân và bà Đậu Thị Phú

- Thư ký phiên tòa: ông Trần Thanh Quang là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Quảng Trạch

Ngày 14 tháng 5 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Quảng Trạch xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 12/2017/TLST-TCDS ngày 19 tháng 12 năm 2017 về “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2018/QĐXXST-DS ngày 17 tháng 4 năm 2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn:

Bà Nguyễn Thị O

Địa chỉ: thôn Tân Ph, xã Quảng Ph, huyện Quảng Tr, tỉnh Quảng B. Có mặt

2. Bị đơn: bà Võ Thị Thu H

Địa chỉ: thôn Tân Ph, xã Quảng Ph, huyện Quảng Tr, tỉnh Quảng B, có mặt.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Ông Phan Đình C

Địa chỉ: thôn Tân Ph, xã Quảng Ph, huyện Quảng Tr, tỉnh Quảng B (có đơn xin vắng mặt)

Ông Nguyễn Đức H

Địa chỉ: thôn Tân Ph, xã Quảng Ph, huyện Quảng Tr, tỉnh Quảng B, có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện nguyên đơn bà Nguyễn Thị O trình bày: giữa bà và bà Võ Thị Thu H là người cùng thôn do có mối quen hệ quen biết trong công việc làm ăn, nên vào năm 2011, bà H đã vay của bà với tổng số tiền 510.000.000 đồng trong nhiều lần. Cụ thể: ngày 20/01/2011 vay số tiền 40.000.000đ; ngày 30/01/2011 vay hai lần với số tiền 300.000.000đ; ngày 21/5/2011 vay số tiền 130.000.000đ và ngày 05/7/2011 vay số tiền 40.000.000đ, khi vay hai bên có lập thành văn bản, giấy vay tiền do bà H tự viết và ký tên người vay tiền, nhưng không thỏa thuận lãi suất và thời hạn trả nợ, nên bà yêu cầu bà H phải trả cho bà toàn bộ số tiền trên cùng với tiền lãi theo quy định của pháp luật. Tuy nhiên quá trình hòa giải tại tòa án, bà thừa nhận bà H đã hai lần trả nợ tiền gốc cho bà với số tiền 18.500.000 đồng, lần thứ nhất vào khoảng cuối năm 2014 trả 8.500.000đ, lần thứ hai trả số tiền 10.000.000đ vào ngày 03/12/2017 tại cơ quan Công an thị xã Ba Đ, tỉnh Quảng B. Tại phiên tòa bà đồng ý cho lại bà H số tiền gốc 40.000.000 đồng. Số tiền còn lại bà yêu cầu bà H phải trả cho bà là 451.500.000đ (bốn trăm năm mươi một triệu năm trăm nghìn đồng), không yêu cầu tính lãi suất.

Tại bản tự khai, biên bản hòa giải bị đơn bà Võ Thị Thu H trình bày: bà thừa nhận giữa bà và bà Nguyễn Thị O đã có mối quen hệ quen biết làm ăn từ những năm 1997 cho đến nay, do đó trong thời gian từ tháng 01/2011 đến tháng 5/2011 bà đã nhiều lần vay tiền của bà O, cụ thể: ngày 20/01/2011 vay số tiền 40.000.000đ; ngày 30/01/2011 vay hai lần với số tiền 300.000.000đ; ngày 21/5/2011 vay số tiền 130.000.000đ. Riêng số tiền 40.000.000 đồng vay vào ngày 05/7/2011 bà thừa nhận giấy vay tiền là do bà viết, nhưng không ghi cụ thể năm nào nên bà không thừa nhận khoản vay này, trong quá trình vay bà cũng đã nhiều lần cho bà O nhưng khi trả tiền không có giấy tờ gì, nên bà chấp nhận số tiền bà đã trả cho bà O là 18.500.000 đồng như bà O Đã trình bày. Tại phiên tòa bà công nhận khoản khoản vay 40.000.000đ vào ngày 05/7 vì giấy vay tiền là do bà tự viết và ký tên, nhưng do điều kiện hoàn cảnh gia đình của bà khó khăn, hiện tại nhiều người đang nợ tiền của bà nhưng không trả, vì vậy bà xin lại bà O số tiền này và chấp nhận số nợ mà bà phải có nghĩa vụ cho bà O là 451.500.000 đồng theo phương thức trả dần mỗi tháng 5.000.000 đồng cho đến khi trả hết số tiền trên. Bà cũng cho biết việc vay tiền chỉ có một mình bà tự giao dịch với bà O, các giấy tờ vay tiền do chính tự tay bà viết và có ghi tên của chồng bà là ông Phan Đình C, nhưng thực tế chồng bà không hề hay biết và cũng không ký vào giấy vay tiền, vì vậy bà xin tự chịu trách nhiệm một mình trả nợ cho bà O.

Ý kiến trình bày của những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

Ý kiến của ông Nguyễn Đức H: việc vay mượn tiền giữa vợ ông và bà H, ông có biết, nhưng quá trình giao dịch, số tiền cho vay bao nhiêu thì ông không nắm được vì việc đó do vợ ông và bà H thực hiện, chỉ đến khi nghe vợ ông kể

lại sự việc thì ông mới biết vợ ông đã cho bà H vay số tiền 510.000.000 đồng. Tuy nhiên theo ông số tiền đó cũng là tài sản chung, vì vậy ông yêu cầu bà H có trách nhiệm trả lại cho vợ, chồng ông. Do hiện điều kiện gia đình bà H khó khăn nên ông cũng nhất trí như ý kiến của bà O đã trình bày.

Tại bản tự khai ngày 29/3/2018 ông Phan Đình C: Việc vay mượn tiền giữa vợ ông bà Võ Thị Thu H với bà Nguyễn Thị O bản thân ông hoàn toàn không biết, vì vậy ông không liên quan và không chịu trách nhiệm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:* Quá trình giải quyết vụ án theo lời khai của các bên đương sự và chứng cứ thể hiện, trong khoảng thời gian từ tháng 01/2011 đến tháng 7/2011 giữa bà Nguyễn Thị O và bà Võ Thị Thu H đã xác lập quan hệ dân sự về việc vay, mượn tiền có lập thành văn bản, hai bên không thỏa thuận về mức lãi suất cũng như thời hạn trả nợ, phía bà O là người cho vay đã nhiều lần yêu cầu bà H thực hiện nghĩa vụ trả nợ, nhưng bà H không trả. Nên xác định đây là quan hệ tranh chấp “hợp đồng vay tài sản” theo khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[2] *Về nội dung yêu cầu khởi kiện:* Tại phiên tòa các bên đương sự đã thống nhất với nhau toàn bộ khoản nợ. Phía nguyên đơn bà Nguyễn Thị O đã đồng ý cho lại bà H số tiền 40.000.000 đồng, số tiền còn lại bà yêu cầu bà H phải trả là 451.500.000 đồng và không yêu cầu tính lãi suất trong thời gian vay. Xét thấy ý kiến của bà O là hoàn toàn tự nguyện, nên Hội đồng xét xử ghi nhận. Phía bà H chấp nhận số nợ và xin trả dần mỗi tháng 5.000.000 đồng, nhưng không được bà O đồng ý. Như vậy yêu cầu khởi kiện về việc đòi nợ của nguyên đơn là có cơ sở nên được chấp nhận.

Quá trình giải quyết vụ án các bên đương sự không thỏa thuận lãi suất chậm trả. Vì vậy kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật lãi suất chậm trả được thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

[3] *Về trách nhiệm trả nợ:* Theo chứng cứ các giấy vay tiền mà các bên đã xác lập thể hiện bên vay là vợ, chồng ông Phan Đình C, bà Võ Thị Thu H, bên cho vay là ông Nguyễn Đức H, bà Nguyễn Thị O. Tuy nhiên quá trình giải quyết vụ án cho đến tại phiên tòa, bà O và bà H cùng thừa nhận việc vay mượn chỉ do hai người giao dịch, ông Phan Đình C (chồng bà H không biết), tại bản tự khai ông C cũng khẳng định điều này, giấy vay tiền cũng chỉ một mình bà H ký tên,

bà O cũng chỉ yêu cầu một mình bà H có trách nhiệm trả nợ cho bà. Vì vậy cần buộc một mình bà Võ Thị Thu H có trách nhiệm trả nợ cho vợ chồng ông H, bà O là phù hợp.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: bà Võ Thị Thu H phải chịu án phí trên số tiền phải trả cho vợ chồng ông H, bà O được Tòa án chấp nhận để sung vào công quỹ nhà nước theo quy định. Tuy nhiên xét thấy tại phiên tòa bà H có đơn xin được giảm án phí vì lý do bản thân hiện tuổi đã cao, thường xuyên đau ốm, điều kiện gia đình khó khăn. Đơn được Ban cán sự thôn Tân Ph và UBND xã Quảng Ph xác nhận. Vì vậy cần căn cứ Điều 13 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu án phí, lệ phí Tòa án, chấp nhận giảm cho bà H 50% tiền án phí.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 463, 466, 468 Bộ luật dân sự 2015; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 13, Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu án phí Tòa án, xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị O.

Buộc bà Võ Thị Thu H phải có nghĩa vụ trả nợ cho vợ, chồng ông Nguyễn Đức H, bà Nguyễn Thị O số tiền gốc 451.500.000đ (*Bốn trăm năm mươi một triệu năm trăm nghìn đồng*).

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Giảm cho bà Võ Thị Thu H 50% tiền án phí, số tiền án phí còn lại buộc bà H phải nộp là 11. 030.000đ (*mười một triệu không trăm ba mươi nghìn đồng*).

Hoàn trả lại cho bà Nguyễn Thị O số tiền tạm ứng án phí 12.000.000đ (*mười hai triệu đồng*) đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Quảng Trạch theo biên lai số 0002385 ngày 19/12/2017.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Án xử sơ thẩm các đương sự được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm đối với người có mặt, hoặc kể từ ngày nhận được bản án đối với người vắng mặt.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Q.Bình;
- VKSND huyện Quảng Trạch;
- Chi cục THADS huyện Quảng Trạch;
- Các đương sự ;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà
(Đã ký)

Phạm Hữu Tình